TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ VĨNH CHÂU** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 70/2023/DS-ST
Ngày 19-7-2023
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ VĨNH CHÂU, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Văn Đua

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Triệu Láth

Bà Nguyễn Huỳnh Hoa

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Gia An, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã C, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã C, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Diệp – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 7 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã C xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 22/2023/TLST-DS ngày 27 tháng 01 năm 2023 về việc tranh hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 73A/2023/QĐXXST-DS ngày 19 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: **Ngân hàng NN**. Địa chỉ: phường T, quận B, TP.Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Trần Thanh H**, chức vụ: Giám đốc Ngân hàng NN – Chi nhánh thị xã C. Địa chỉ: đường N, Khóm M, Phường M, thị xã C, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

- *Bị đơn*: Ông **Thạch Sà U**, sinh năm 1970. Địa chỉ: ấp Đ, xã L, thị xã C, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1. Bà **Sơn Thị Sà P**, sinh năm 1972 (vắng mặt)

2. Anh **Thạch Minh T**, sinh năm 1993 (vắng mặt)

3. Chị **Thạch Thị Mỹ O**, sinh năm 1995 (vắng mặt)

4. Anh **Thạch Minh T**, sinh năm 1997 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: ấp Đ, xã L, thị xã C, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***Theo đơn khởi kiện ngày 10/11/2022, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày*:**

Ngày 24/11/2015, ông Thạch Sà U đã ký với Ngân hàng NN - Chi nhánh thị xã C, tỉnh Sóc Trăng Hợp đồng tín dụng số: 7606-LAV-201501087. Theo hợp đồng, ngân hàng cho ông Thạch Sà U vay số tiền 60.000.000 đồng (Sáu mươi triệu đồng), mục đích vay: Mua sắm vật dụng, trồng màu, lãi suất trong hạn là 11%/năm, lãi suất quá hạn là 16,5%/năm đối với số tiền gốc 50.000.000 đồng và lãi suất trong hạn là 10,5%/năm, lãi suất quá hạn là 15,75%/năm đối với số tiền gốc là 10.000.000 đồng. Thanh toán trả lãi hàng quý, trả nợ gốc theo từng giấy nhận nợ khi đến hạn, thời hạn vay 12 tháng, hạn trả nợ cuối cùng ngày 20/4/2018.

Để đảm bảo cho nghĩa vụ trả nợ vay, ông Thạch Sà U đã ký kết với Ngân hàng:

- Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 149/VH/56/2015/HĐTC ngày 24/11/2015 đối với quyền sử dụng đất như sau: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số I 191404, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 0172 QSDĐ/58070903 ngày 25/02/1997 của Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho hộ Thạch Sà U đứng tên, phần đất thuộc thửa 1260, tờ bản đồ số 14, tọa lạc ấp Đ, xã L, thị xã C, tỉnh Sóc Trăng với diện tích 4.000m^2.

Quá trình thực hiện hợp đồng, Ngân hàng đã giải ngân cho ông Thạch Sà U vay số tiền 60.000.000 đồng theo Báo cáo đề xuất giải ngân và giấy nhận nợ cùng ngày 10 tháng 8 năm 2017. Đến hạn trả cuối cùng ngày 20/4/2018 ông Thạch Sà U không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ lãi và gốc theo thỏa thuận, liên tiếp vi phạm nghĩa vụ đã cam kết với Ngân hàng, không phối hợp xử lý tài sản bảo đảm làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ngân hàng, gây khó khăn cho công tác thu hồi vốn và quá trình xử lý, thu hồi nợ của ngân hàng. Tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 19/7/2023), ông U còn nợ Ngân hàng NN tổng số tiền là: 116.576.111 đồng, trong đó: Nợ gốc là 60.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 39.145.833 đồng và nợ lãi quá hạn là 17.430.278 đồng.

Nay, Ngân hàng NN yêu cầu Tòa án buộc ông Thạch Sà U cùng bà Sơn Thị Sà P (vợ của ông U) liên đới thanh toán cho Ngân hàng NN toàn bộ số tiền là: 116.576.111 đồng, trong đó: Nợ gốc là 60.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 39.145.833 đồng và nợ lãi quá hạn là 17.430.278 đồng.

Đồng thời, vợ chồng ông U, bà P còn phải liên đới tiếp tục trả lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng nêu trên kể từ ngày 20/7/2023 cho đến khi vợ chồng ông U, bà P trả hết nợ gốc cho Ngân hàng NN.

Trường hợp, vợ chồng ông Thạch Sà U, bà Sơn Thị Sà P không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ ngay sau khi bản án/quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật thì Ngân hàng yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự phát tài sản bảo đảm khoản vay của ông Thạch Sà U, theo Hợp đồng thế chấp tài sản số: 149/VH/56/2015/HĐTC ngày 24/11/2015 để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

Đối với bị đơn ông Thạch Sà U, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Sơn Thị Sà P (vợ của ông U) và các con của ông U, bà P: anh Thạch Minh T, chị Thạch Thị Mỹ O và anh Thạch Minh T. Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về việc đưa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án; Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và Giấy triệu tập cho bị đơn ông Thạch Sà U, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Sơn Thị Sà P, anh Thạch Minh T, chị Thạch Thị Mỹ O và anh Thạch Minh T nhưng ông U, bà P, anh T, chị O và anh T đều vắng mặt không có lý do và không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã C phát biểu ý kiến tại phiên tòa:* Qua thực hiện chức năng kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Thư ký phiên tòa cũng như Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, chứng cứ được thu thập đầy đủ đảm bảo quyền lợi hợp pháp cho các đương sự. Người đại diện theo ủy quyền cho nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật. Đối với bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai mà không có lý do, nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định của pháp luật.

Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, về việc buộc bị đơn ông Thạch Sà U và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Sơn Thị Sà P (vợ của ông U) liên đới trả số tiền vốn gốc và lãi suất phát sinh là 116.576.111 đồng. Đồng thời, vợ chồng ông U, bà P còn phải tiếp tục liên đới trả lãi phát sinh kể từ ngày 20/7/2023 cho đến khi vợ chồng ông U, bà P trả hết nợ gốc cho Ngân hàng NN.

Trường hợp, vợ chồng ông U, bà P không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự phát mãi tài sản bảo đảm để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

Về án phí, chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp về hợp đồng tín dụng theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn có địa chỉ tại ấp Đ, xã L, thị xã C, tỉnh Sóc Trăng nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thị xã C thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến khi có Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Tòa án xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là: "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" là đúng với quy định của pháp luật.

[3] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, bị đơn và người có quyền, nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng đều vắng mặt, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định.

[4] Về yêu cầu thanh toán nợ gốc của nguyên đơn: Vào ngày 24/11/2015, ông Thạch Sà U có ký hợp đồng tín dụng số 7606-LAV-201501087 với Ngân hàng NN (gọi tắt là Ngân hàng) để vay số tiền 60.000.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng. Cách thức thanh toán nợ là ông U phải trả lãi hàng quý và trả nợ gốc theo từng giấy nhận nợ khi đến hạn, hạn trả nợ cuối cùng ngày 20/4/2018**.** Xét thấy, các bên tiến hành giao kết Hợp đồng trên nguyên tắc tự nguyện, hình thức và nội dung của Hợp đồng tại thời điểm xác lập phù hợp với quy định của pháp luật. Do đó, Hợp đồng tín dụng trên có giá trị pháp lý và buộc các bên phải thực hiện theo đúng hợp đồng, ông U đã nhận đủ số tiền 60.000.000 đồng (vào ngày 28/4/2017 nhận 50.000.000 đồng và ngày 10/8/2017 nhận 10.000.000 đồng) sau khi ký kết hợp đồng. Tuy nhiên, đến ngày 20/4/2018 là đợt cuối cùng để ông U thanh toán nợ gốc và lãi nhưng ông U không thực hiện, cho nên ông U đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo quy định tại Điều 7 của Hợp đồng tín dụng số 7606-LAV-201501087 ngày 24/11/2015 và vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay được quy định tại Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Nên Ngân hàng khởi kiện đề nghị Tòa án buộc vợ chồng ông Thạch Sà U, bà Sơn Thị Sà P phải liên đới trả cho Ngân hàng số nợ gốc 60.000.000 đồng là có căn cứ chấp nhận.

[5] Về yêu cầu trả lãi của nguyên đơn: Ngân hàng NN yêu cầu vợ chồng ông Thạch Sà U, bà Sơn Thị Sà P có trách nhiệm thanh toán số tiền lãi trong hạn là 39.145.833 đồng và tiền lãi quá hạn là 17.430.278 đồng, Hội đồng xét xử xét thấy:

[5.1] Đối với lãi suất trong hạn: Thời hạn từ 01/9/2017 đến 20/4/2018 với mức lãi suất là 11%/năm và thời hạn từ ngày 21/4/2018 đến ngày 19/7/2023 với mức lãi suất 11%/năm của vốn gốc 50.000.000 đồng; thời hạn từ ngày 10/8/2017 đến ngày 20/4/2018 với mức lãi suất 10,5%/năm và thời hạn tính từ ngày 21/4/2018 đến ngày 19/7/2023 với mức lãi suất 10,5%/năm của vốn gốc 10.000.000 đồng.

[5.2] Đối với số tiền lãi suất quá hạn: Từ ngày 21/4/2018 đến ngày 19/7/2023 với mức lãi suất 5.50%/năm của vốn gốc là 50.000.000 đồng; thời hạn từ ngày 21/4/2018 đến ngày 19/7/2023 với mức lãi suất 5,25%/năm của vốn gốc là 10.000.000 đồng.

[5.3] Từ các mục số [5.1] và [5.2], Hội đồng xét xử xét thấy: Theo quy định tại khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 "Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật" và Điều 13 Thông tư

số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng nhà nước Việt Nam quy định: "Tổ chức tín dụng và khách hàng thỏa thuận về lãi suất cho vay theo cung cầu vốn thị trường, nhu cầu vay vốn và mức độ tín nhiệm của khách hàng, trừ trường hợp Ngân hàng Nhà nước Việt Nam có quy định về lãi suất cho vay tối đa tại khoản 2 Điều này...". Xét thấy, theo Hợp đồng tín dụng số 7606-LAV-201501087 ngày 24/11/2015 thì Ngân hàng và ông U thỏa thuận lãi suất cho vay với mức lãi suất trọng hạn và quá hạn nêu trên năm là phù hợp với quy định của pháp luật nêu trên. Do đó, yêu cầu tính lãi của nguyên đơn là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Như vậy, tổng số tiền vốn và tiền lãi vay mà vợ chồng ông Thạch Sà U, bà Sơn Thị Sà P phải có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho Ngân hàng là 116.576.111 đồng, trong đó: Nợ gốc là 60.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 39.145.833 đồng và nợ lãi quá hạn là 17.430.278 đồng.

[7] Về khoản tiền lãi phát sinh sau ngày xét xử sơ thẩm: Kể từ ngày 20/7/2023, vợ chồng ông Thạch Sà U, bà Sơn Thị Sà P còn phải liên đới chịu khoản tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng đã ký số 7606-LAV-201501087 ngày 24/11/2015 cho đến khi vợ chồng ông U, bà P trả hết nợ gốc.

[8] Về yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm: Hợp đồng thế chấp tài sản số 149/VH/56/2015/HĐTC ngày 24/11/2015 được ký kết giữa vợ chồng ông Thạch Sà U, bà Sơn Thị Sà P, cùng các thành viên trong hộ gia đình ông U, bà P với Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông Việt Nam – Chi nhánh thị xã C, việc thế chấp tài sản đã được lập thành hợp đồng giữa bên nhận thế chấp là Ngân hàng với bên thế chấp là bên vay tài sản (ông Thạch Sà U). Hợp đồng thế chấp đã được chứng thực tại Ủy ban nhân dân xã Lạc Hòa và được đăng ký giao dịch đảm bảo tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thị xã C vào ngày 24/11/2015 và ngày 31/11/2015. Tại mục số 4.1 của các hợp đồng thế chấp nêu trên, các bên có thỏa thuận: "*Bên A (bên cho vay) được xử lý tài sản để thu hồi nợ trong các trường hợp sau: Đến hạn thực hiện nghĩa vụ mà bên B (bên vay) không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ...*"

Tài sản thế chấp nêu trên là quyền sử dụng đất diện tích 4.000 m^2 (loại đất: 1L), thửa số 1260; tờ bản đồ số 14, tọa lạc tại ấp Đ, xã L, huyện Vĩnh Châu (nay là thị xã C), tỉnh Sóc Trăng, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số I 191404, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 0172 QSDĐ/58070903 ngày 25/02/1997 của Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho hộ Thạch Sà U đứng tên.

[9] Đối với thửa đất được phân tích tại mục số [8], qua kết quả xem xét thẩm định tại chỗ, cho thấy: Hiện trạng tài sản thế chấp không có thay đổi so với thời điểm nhận thế chấp. Đồng thời, thửa đất này hiện nay do vợ chồng ông U, bà P và cùng với các thành viên trong hộ là anh Thạch Minh T, chị Thạch Thị Mỹ O, anh Thạch Minh T đang quản lý sử dụng. Cho nên Ngân hàng yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp để đảm bảo cho việc thanh toán nợ trong trường hợp vợ chồng ông U, bà P không có khả năng thanh toán nợ hoặc không thanh toán đầy đủ là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[10] Từ những cơ sở phân tích tại các mục số [4], [5], [6], [7], [8] và [9] nêu trên, xét thấy lời đề nghị của Vị Kiểm sát viên là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[11] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí. Bị đơn ông Thạch Sà U và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Sơn Thị Sà P (vợ của ông U) phải liên đới chịu tiền án phí với số tiền là 5.828.805 đồng;

[12] Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Vợ chồng ông Thạch Sà U, bà Sơn Thị Sà P phải liên đới chịu số tiền là 750.000 đồng. Số tiền này do nguyên đơn đã nộp tạm ứng trước, do đó vợ chồng ông U, bà P phải có trách nhiệm liên đới hoàn lại số tiền trên cho Ngân hàng NN.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điều 5, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 và Điều 278 của Bộ luật tố tụng Dân sự; các điều 325, 463, 466 và 468 của Bộ luật dân sự 2015; Điều 90, Điều 91, Điều 94 và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng NN, về việc yêu cầu bị đơn ông Thạch Sà U và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Sơn Thị Sà P (vợ của ông U) liên đới thanh toán tổng số tiền là 116.576.111 đồng, trong đó: Nợ gốc là 60.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 39.145.833 đồng và nợ lãi quá hạn là 17.430.278 đồng của Hợp đồng tín dụng số 7606-LAV-201501087 ngày 24/11/2015.

- Buộc bị đơn ông Thạch Sà U và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Sơn Thị Sà P (vợ của ông U) liên đới thanh toán cho Ngân hàng NN tổng số tiền 116.576.111 đồng *(Một trăm mười sáu triệu, năm trăm bảy mươi sáu ngàn một trăm mười một đồng)*. Trong đó, nợ gốc là 60.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 39.145.833 đồng và nợ lãi quá hạn là 17.430.278 đồng.

2. Kể từ ngày 20/7/2023, vợ chồng ông Thạch Sà U, bà Sơn Thị Sà P còn phải tiếp tục liên đới chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ thì lãi suất mà vợ chồng ông U, bà P phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng NN cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng NN.

3. Về xử lý tài sản đảm bảo: Trường hợp vợ chồng ông Thạch Sà U, bà Sơn Thị Sà P không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng NN có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự phát mãi toàn bộ tài sản thế chấp sau:

Hợp đồng thế chấp tài sản số 149/VH/56/2015/HĐTC ngày 24/11/2015 được ký kết giữa vợ chồng ông Thạch Sà U, bà Sơn Thị Sà P và các thành viên trong hộ gia đình của ông U, bà P bao gồm: Anh Thạch Minh T, chị Thạch Thị Mỹ O, anh Thạch Minh T với Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông Việt Nam – Chi nhánh thị xã C đối với quyền sử dụng đất diện tích 4.000 m^2 (loại đất: 1L), thửa số 1260; tờ bản đồ số 14, tọa lạc tại ấp Đ, xã L, huyện Vĩnh Châu (nay là thị xã C), tỉnh Sóc Trăng, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số I 191404, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 0172 QSDĐ/58070903 ngày 25/02/1997 của Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho hộ Thạch Sà U đứng tên.

4. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Nguyên đơn Ngân hàng NN không phải chịu án phí sơ thẩm. Hoàn trả cho nguyên đơn Ngân hàng NN số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.791.000 đồng đồng theo biên lai thu số 0006085 ngày 17/01/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã C, tỉnh Sóc Trăng.

- Bị đơn ông Thạch Sà U và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Sơn Thị Sà P (vợ của ông U) phải liên đới nộp số tiền án phí là 5.828.805 đồng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

5. Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: vợ chồng ông Thạch Sà U, bà Sơn Thị Sà P phải liên đới chịu số tiền là 750.000 đồng. Số tiền này do nguyên đơn đã nộp tạm ứng trước, do đó vợ chồng ông U, bà P phải có trách nhiệm liên đới hoàn lại số tiền trên cho Ngân hàng NN.

6. Về quyền kháng cáo bản án: Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân cấp trên xem xét lại theo trình tự phúc thẩm.

7. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nơi nhận:
- VKSND thị xã C;
- Chi cục THADS thị xã C;
- Phòng KTNV&THA TAND tỉnh ST;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

Đặng Văn Đua